

Số: 104/QĐ-ĐHKTL-SĐH&QLKH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển cao học đợt 2 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 02 năm 2016 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ kết quả thi tuyển sinh sau đại học đợt 2 năm 2016 của Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học và Quản lý khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển 57 (năm mươi bảy) học viên cao học khóa 2016 - 2018 tại đơn vị liên kết Trường Đại học Quy Nhơn (Danh sách chi tiết đính kèm).

Điều 2. Học viên có tên tại Điều 1 phải làm thủ tục nhập học theo hướng dẫn trong Giấy báo nhập học. Học viên không thực hiện đủ thủ tục nhập học hoặc không nhập học đúng hạn sẽ mất quyền học khóa đào tạo 2016 - 2018.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng các phòng Sau đại học & Quản lý khoa học, Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Khoa Luật, Trưởng Khoa Luật Kinh tế và học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-Như Điều 4;

-Lưu: VT, ĐHKTL-SĐH&QLKH.



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC ĐỢT 2 NĂM 2016 TẠI BÌNH ĐỊNH LUẬT DÂN SỰ & TỔ TỤNG DÂN SỰ

(Kèm theo QĐ số: 1040/QĐ-ĐHKTL-SĐH & QLKH, ngày 17 tháng 11 năm 2016)

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI			Ngành
						Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ	
1	50077	NGUYỄN LÊ KIM ANH	Nữ	13/01/1979	Bình Định	6.00	5.50	82.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
2	50078	TRẦN TRỌNG CHÍNH	Nam	29/7/1971	Nghệ An	6.00	6.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
3	50080	LÊ QUỐC CƯỜNG	Nam	25/4/1978	Bình Định	6.00	6.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
4	50081	HUỖNH LÊ DƯƠNG	Nam	20/03/1982	Bình Định	5.00	6.50	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
5	50082	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	20/5/1979	Bình Định	5.00	5.00	74.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
6	50083	TRẦN THỊ ĐỊNH	Nữ	05/12/1983	Bình Định	7.00	6.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
7	50084	TRẦN HẠ GIANG	Nam	17/01/1978	Bình Định	6.00	7.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
8	50085	VÕ THỊ THU HẰNG	Nữ	20/4/1985	Bình Định	5.00	6.00	57.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
9	50086	LÊ THỊ MỸ HIỆP	Nữ	07/8/1987	Bình Định	5.00	5.00	76.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
10	50088	TRẦN THỊ HOÀI	Nữ	12/9/1989	Thanh Hóa	6.00	5.50	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
11	50089	VĂN THỊ MINH HÒA	Nữ	11/12/1975	Bình Định	7.00	6.50	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
12	50090	TRẦN THỊ MINH HÒA	Nữ	12/7/1977	Gia Lai	6.00	5.50	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
13	50091	ĐÀO VĂN HÒA	Nam	20/02/1975	Bình Định	5.00	5.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
14	50092	NGUYỄN ĐĂNG THỊ THU	Nữ	27/9/1977	Bình Định	6.00	6.50	57.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
15	50095	TRẦN THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	27/7/1992	Bình Định	5.50	6.00	77.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
16	50096	VÕ VĂN HƯỚNG	Nam	22/5/1978	Bình Định	7.00	6.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
17	50097	BẠCH NAM CHU LAI	Nam	08/02/1988	Bình Định	6.00	5.50	67.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
18	50100	PHAN TIỀN LỰC	Nam	20/4/1989	Bình Định	6.00	6.50	74.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
19	50104	LÊ HÀO QUANG	Nam	08/02/1980	Bình Định	6.00	6.00	61.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
20	50105	TRẦN THỊ LỆ QUYÊN	Nữ	15/6/1988	Bình Định	6.00	5.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
21	50106	PHAN ĐỨC THẮNG	Nam	10/4/1981	Bình Định	6.00	6.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự



STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI			Ngành
						Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ	
22	50107	VÕ THỊ HỒNG THU	Nữ	03/11/1980	Bình Định	7.00	8.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
23	50108	PHẠM HOÀNG THU THỦY	Nữ	01/01/1973	Hà Nội	7.00	6.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
24	50109	HOÀNG XUÂN TOÀN	Nam	10/01/1979	Bình Định	6.00	7.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
25	50110	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	Nữ	06/03/1989	Bình Định	6.00	6.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
26	50111	ĐINH VĂN TRÀ	Nam	16/4/1984	Bình Định	6.00	6.00	58.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
27	50112	TRẦN CHÍ TRUNG	Nam	02/10/1980	Bình Định	7.00	7.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
28	50113	NGUYỄN VĂN TUẤN	Nam	10/01/1981	Bình Định	6.00	5.50	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
29	50114	LÂM THANH TÙNG	Nam	29/4/1986	Bình Định	6.00	6.00	52.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
30	50115	ĐẶNG THỊ NGỌC UYÊN	Nữ	05/4/1974	Bình Định	6.00	6.50	55.00	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự
31	50117	ĐOÀN VĂN PHI	Nam	24/12/1966	Bình Định	5.00	6.00	XT Ngoại ngữ	Luật dân sự & Tổ tụng dân sự

Danh sách có 31 thí sinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng



DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC ĐỢT 2 NĂM 2016 TẠI BÌNH ĐỊNH LUẬT KINH TẾ

(Kèm theo QĐ số: 1040/QĐ-ĐHKTL-SDH & QLKH, ngày 17 tháng 11 năm 2016)

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI			Ngành
						Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ	
1	50045	TRẦN ĐỨC TUẤN ANH	Nam	01/4/1978	Bình Định	5.00	5.00	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
2	50046	TRẦN BỬU AN	Nam	18/7/1974	Bình Định	5.00	5.00	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
3	50047	VÕ MINH CẢNH	Nam	04/9/1979	Bình Định	5.00	5.00	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
4	50048	TRỊNH THỊ HỒNG CẨM	Nữ	15/5/1981	Quảng Ngãi	5.00	5.00	65.00	Luật kinh tế
5	50052	TRẦN THỊ MỸ DIỆU	Nữ	20/02/1993	Bình Định	6.00	6.50	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
6	50053	NGUYỄN CẨM HÀ	Nữ	10/6/1986	Thừa Thiên Huế	8.00	5.50	70.00	Luật kinh tế
7	50054	HUỲNH THỊ NGỌC HÀ	Nữ	22/5/1977	Bình Định	6.00	5.50	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
8	50055	LƯƠNG HOÀI HẢI	Nữ	06/6/1990	Bình Định	6.00	5.50	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
9	50057	HUỲNH QUANG HUY	Nam	06/8/1988	Bình Định	7.00	7.00	79.00	Luật kinh tế
10	50058	PHẠM QUANG NGỌC	Nam	09/4/1984	Hải Dương	7.00	6.50	77.00	Luật kinh tế
11	50059	NGUYỄN HỮU NHÂN	Nam	12/01/1979	Bình Định	6.00	5.00	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
12	50060	TRẦN ĐÌNH THIÊN NHÃN	Nam	04/01/1979	Bình Định	5.00	5.50	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
13	50061	HỒ QUANG NHẬT	Nam	01/01/1990	Bến Tre	5.00	5.00	67.00	Luật kinh tế
14	50063	PHAN PHONG	Nam	08/9/1978	Bình Định	6.00	6.50	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
15	50064	BÙI THÀNH PHƯƠNG	Nam	15/10/1986	Bình Định	5.00	6.50	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
16	50065	HỒ VĂN PHƯỚC	Nam	25/4/1975	Bình Định	5.00	7.00	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
17	50066	PHẠM HỒNG SƠN	Nam	20/4/1964	Bình Định	5.00	6.00	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
18	50067	LÊ BÌNH THANH	Nam	25/01/1974	Hà Nội	5.00	7.50	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
19	50068	LÊ ĐỨC THÀNH	Nam	08/10/1979	Bình Định	6.00	5.50	59.00	Luật kinh tế
20	50069	PHẠM THỊ THƠM	Nữ	01/01/1983	Bình Định	7.00	6.50	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
21	50070	PHẠM THỊ LÊ THÙY	Nữ	26/6/1984	Bình Định	6.50	6.00	72.00	Luật kinh tế

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI			Ngành
						Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ	
22	50071	NGUYỄN THÀNH TÍN	Nam	14/12/1987	Bình Định	8.00	6.50	71.00	Luật kinh tế
23	50072	NGUYỄN VĂN TÍN	Nam	18/8/1989	Bình Định	6.00	5.50	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
24	50074	THÁI MINH TRÍ	Nam	12/9/1976	Bình Định	5.00	5.50	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
25	50075	ĐẶNG HÀ TUYÊN	Nam	08/10/1989	Bình Định	7.00	5.50	XT Ngoại ngữ	Luật kinh tế
26	50076	NGUYỄN KHẮC VŨ	Nam	10/6/1978	Bình Định	6.00	5.50	85.00	Luật kinh tế

Danh sách có 26 thí sinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

 HIỆU TRƯỞNG
 PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng

